

Bản án số: 181/2021/DS-PT

Ngày 29-11-2021

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Sang.

Ông Bùi Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc: Tranh chấp đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 295/2020/QĐPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị B, sinh năm 1940; địa chỉ: phòng A, Chung cư B, đường N, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: bà Thái Thị C, sinh năm 1956; địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thái Thị C: ông Thái Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ 2, khu phố 1, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 8 năm 2020); có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

3.1. Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1992; địa chỉ: tổ 5, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thành L: ông Lê Thành D; địa chỉ: tổ 1, khu phố 6, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 5 năm 2021); có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.2. Bà Lê Ngọc L, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp 6, xã T, huyện Bắc T, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.3. Bà Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.4. Bà Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.5. Bà Lê Minh Luân, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.6. Bà Lê Thị L, sinh năm 1955; địa chỉ: tổ 14, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.7. Bà Lê Thị M, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp 1 M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.8. Ông Lê N, sinh năm 1933 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê N:

3.8.1. Bà Phan Thị G, sinh năm 1945; địa chỉ: tổ 42, khu phố 4B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.8.2. Bà Lê Thanh H, sinh năm 1985; địa chỉ: tổ 42, khu phố 4B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.8.3. Ông Lê Hồng H, sinh năm 1980; địa chỉ: tổ 42, khu phố 4B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.8.4. Ông Lê Thanh T, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp 1, xã Nam C, huyện T, tỉnh Đồng Nai; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.9. Bà Lê Thị Hòa B, sinh năm 1966; địa chỉ: số 36/6A, Đông Thạnh B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.10. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1970; địa chỉ: số A3/258C, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.11. Cháu Lê Nguyễn Thảo L, sinh năm 2004; địa chỉ: số A3/258C, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của cháu Lê Nguyễn Thảo L: bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1970; địa chỉ: số A3/258C, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.12. Bà Trương Mỹ H, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.13. Ông Lê Minh H, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.14. Bà Lê Thị Minh S, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.15. Bà Đinh Thị N, sinh năm 1945; địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn bà Lê Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày:

Bà Lê Thị B là con ruột của cụ Nguyễn Thị B (sinh năm 1902, chết năm 1989) và cụ Lê Văn N (chết năm 1941). Cụ B và cụ N có 05 người con gồm: ông Lê Minh B, sinh năm 1936 (chết năm 2013), ông Lê Văn M, sinh năm 1930 (chết năm 1947), ông Lê Văn C, sinh năm 1922 (chết năm 1989), ông Lê N, sinh năm 1933 (chết năm 2019), bà Lê Thị B, sinh năm 1940.

Nguồn gốc của thửa đất số 508, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương như sau: phần đất thứ nhất, do ông nội tên Lê Văn T (không rõ năm chết) và bà nội tên Phạm Thị L (chết năm 1947) cho cha mẹ bà Lê Thị B; phần đất thứ hai, do bác ruột tên Lê Văn Q (không rõ năm chết) cho cha mẹ bà Lê Thị B; phần đất thứ ba, do cha mẹ của bà Lê Thị B là bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn N mua.

Lúc cụ B còn sống thì cả gia đình ông Lê Văn C sống cùng với cụ B. Năm 1989, cụ B chết có để lại phần đất tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (thời điểm này phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Sau khi cụ B chết thì bà B là người quản lý phần đất nêu trên nhưng vẫn để cho gia đình ông Lê Văn C sinh sống tại đây. Năm 1989, ông C chết thì bà B tiếp tục để phần đất này cho con trai của ông Lê Văn C là ông Lê Minh N và con dâu là bà Thái Thị C sinh sống, quản lý. Do là đất hương hỏa nên ông N và bà C không được bán phần đất này. Năm 2000, ông Nn và bà C đã giả mạo giấy tờ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lê Minh Nn đối với phần đất có diện tích 1.940,7m² thuộc thửa đất số 508, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; về tài sản gắn liền với đất có 01 căn nhà cấp 4 do gia đình bà C xây dựng và 07 ngôi mộ của dòng tộc. Năm 2006, ông Lê Minh N chết (trích lục khai tử số 104/TLKT-BS ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương), bà B vẫn để cho bà C ở, quản lý đối với phần đất này nhưng không được bán. Năm 2017, bà C có ý định bán phần đất nêu trên. Do là đất của dòng họ nên bà B nhiều lần yêu cầu bà C trả lại nhưng bà C không hợp tác. Nhận thấy bà C có ý định bán phần đất nêu trên làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B nên bà B yêu cầu Tòa án buộc bà C trả lại cho bà B phần đất có diện tích 1.940,7m², yêu cầu bà C di dời căn nhà cấp 4 để trả lại đất cho bà B và giữ

nguyên hiện trạng 07 ngôi mộ. Về các tài sản khác, bà B không tranh chấp.

Bị đơn bà Thái Thị C trình bày:

Bà Thái Thị C không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B vì các lý do sau: bà Lê Thị B không có quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 1.940,7m² thuộc thửa đất số 508, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Do đó, bà Lê Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị C trả lại tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 1.940,7m² thuộc thửa đất số 508, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương là không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc của phần đất có diện tích 1.940,7m² thuộc thửa đất số 508, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương là do Nhà nước công nhận cho hộ ông Lê Minh N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00081 QSDĐ-TU do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 30 tháng 10 năm 2000 do hộ ông Lê Minh N sử dụng ổn định, lâu dài. Năm 2006, ông Lê Minh N chết không để lại di chúc. Ngày 21 tháng 11 năm 2008, những người thừa kế của ông Lê Minh N đã lập văn bản phân chia di sản thừa kế cho bà Thái Thị C được quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.940,7m² thuộc thửa đất số 508, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Căn cứ văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T đã chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00081 QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Lê Minh N ngày 30 tháng 10 năm 2000 sang cho bà C.

Ngày 13 tháng 5 năm 2017, bà Thái Thị C đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thành L quyền sử dụng đất có diện tích 783,7m² thuộc một phần thửa đất số 508, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng Công chứng Lê Hà P chứng nhận số 2817, quyền số 05/2017-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13 tháng 5 năm 2017. Sau khi hợp đồng được công chứng, ông Nguyễn Thành L đã thanh toán đầy đủ tiền chuyển nhượng cho bà Thái Thị C và bà C đã giao lại diện tích đất chuyển nhượng cho ông L. Hiện tại, bà C chỉ còn lại diện tích đất 1.157m² thuộc một phần thửa đất số 508, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành L trình bày:

Ngày 13 tháng 5 năm 2017, ông Nguyễn Thành L và bà Thái Thị C có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 2817 được Văn phòng Công chứng Lê Hà P công chứng theo đúng quy định của pháp luật. Theo nội dung của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bà C chuyển nhượng cho ông L diện tích đất 783,7m² trong tổng số 1.940,7m² thuộc thửa đất số 508, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương với số tiền 450.000.000 đồng. Trong thời gian làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho ông L thì có tranh chấp. Trước khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Thái Thị C thì ông Nguyễn Thành L đã kiểm tra đầy đủ nguồn gốc đất và được biết bà C được

toàn quyền chuyển nhượng đối với phần diện tích đất nêu trên. Nguồn gốc của thửa đất là của hộ ông Lê Minh N. Sau khi ông Ngôn chết, các thành viên trong hộ gia đình ông N đã lập Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 21 tháng 11 năm 2008 đồng ý cho bà Thái Thị C được toàn quyền sử dụng và định đoạt đối với thửa đất số 508, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B thì ông Nguyễn Thành L không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hòa B trình bày: sau khi Tòa án xác định tài sản đang tranh chấp là của cụ B thì bà B từ chối nhận tài sản và giao lại cho bà B quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc L trình bày: bà Lê Thị Ngọc L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B. Bà L thống nhất với ý kiến và trình bày của bà C. Về nội dung vụ án, bà L đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà B.

Bà Nguyễn Thị O là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện hợp pháp của cháu Lê Nguyễn Thảo L trình bày: bà Nguyễn Thị Oa có chồng tên Lê Minh T (chết ngày 08/01/2018) và 01 người con tên Lê Nguyễn Thảo L, sinh năm 2004. Ông Lê Minh T là con của ông Lê Minh B và bà Đinh Thị N. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B thì bà Nguyễn Thị O không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Minh S trình bày: bà Lê Thị Minh S là con của ông Lê Minh B và là cháu ruột của bà Lê Thị B. Phần đất bà Lê Thị B đang tranh chấp với bà Thái Thị C thì bà S không rõ nguồn gốc đất. Bà Lê Thị B yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị C trả lại cho bà B phần đất có diện tích khoảng 1.940,7m² tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; yêu cầu bà Thái Thị C di dời căn nhà cấp 4 để trả lại đất cho bà B và giữ nguyên hiện trạng đối với 07 ngôi mộ thì bà S không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Mỹ H trình bày: bà Trương Mỹ H là con dâu của ông Lê Minh B và là cháu dâu của bà Lê Thị B. Phần đất bà Lê Thị B đang tranh chấp với bà Thái Thị C thì bà H không rõ nguồn gốc đất. Bà Lê Thị B yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị C trả lại cho bà B phần đất có diện tích 1.940,7m² tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; yêu cầu bà Thái Thị C di dời căn nhà cấp 4 để trả lại đất cho bà B và giữ nguyên hiện trạng đối với 07 ngôi mộ thì bà H không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị N trình bày: bà Đinh Thị N là vợ của ông Lê Minh B. Phần đất bà Lê Thị B đang tranh chấp với bà Thái Thị C có nguồn gốc do ông bà để lại. Bà Lê Thị B yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị C trả lại cho bà B phần đất có diện tích 1.940m² tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; yêu cầu bà Thái Thị C di dời căn nhà cấp 4 để trả lại đất cho bà B và giữ nguyên hiện trạng đối với 07 ngôi mộ thì bà N không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh H trình bày: ông Lê Minh H là con của ông Lê Minh T, cháu của ông Lê Minh B. Phần đất bà Lê Thị B

đang tranh chấp với bà Thái Thị C thì ông H không rõ nguồn gốc. Bà Lê Thị B yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị C trả lại cho bà B phần đất có diện tích 1.940,7m² tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; yêu cầu bà Thái Thị C di dời căn nhà cấp 4 để trả lại đất cho bà B và giữ nguyên hiện trạng đối với 07 ngôi mộ thì ông H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L trình bày: bà Lê Thị L là cháu nội của cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị B và là cháu ruột của bà Lê Thị B. Phần đất bà Lê Thị B đang tranh chấp với bà Thái Thị C có nguồn gốc do ông bà để lại. Bà Lê Thị B yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị C trả lại cho bà B phần đất có diện tích 1.940,7m² tọa lạc tại xã T, huyện B Uyên, tỉnh Bình Dương, yêu cầu bà Thái Thị C di dời căn nhà cấp 4 để trả lại đất cho bà B và giữ nguyên hiện trạng đối với 07 ngôi mộ thì bà L thống nhất với yêu cầu của bà B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc L trình bày: bà Lê Thị Ngọc L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B. Bà L thống nhất với phần trình bày và yêu cầu của bà Thái Thị C. Bà L yêu cầu Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc L trình bày: bà Lê Thị Ngọc L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B. Bà Lê Thị Ngọc L thống nhất với phần trình bày và yêu cầu của bà Thái Thị C. Bà Lê Thị Ngọc L yêu cầu Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh L trình bày: ông Lê Minh L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B. Ông Lê Minh L thống nhất với phần trình bày và yêu cầu của bà Thái Thị C. Ông Lê Minh Lyêu cầu Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M trình bày: bà Lê Thị B là cô ruột của bà Lê Thị M, còn bà Thái Thị C là chị dâu của bà Lê Thị M. Cụ Lê Văn N là chồng của cụ Nguyễn Thị B. Bà Lê Thị B yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị C trả lại cho bà B phần đất có diện tích 1.940,7m² tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; yêu cầu bà Thái Thị C di dời căn nhà cấp 4 để trả lại đất cho bà B và giữ nguyên hiện trạng đối với 07 ngôi mộ thì bà M thống nhất với yêu cầu của bà B. Về nguồn gốc đất là do ông bà cố để lại cho ông bà nội của bà M là cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị B. Khi ông bà nội của bà M chết thì phần đất này để lại cho cha của bà M là ông Lê Văn C. Sau khi ông C chết thì phần đất được để lại cho ông Lê Minh N. Sau khi ông N chết thì phần đất được để lại cho bà Thái Thị C quản lý, sử dụng. Về yêu cầu đối với vụ án, bà Lê Thị M yêu cầu được giữ lại phần đất do ông bà để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Thanh T (người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Lê Năm) trình bày: ông Lê Thanh T là con của bà Phan Thị G và ông Lê N. Bà Lê Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị C trả lại cho bà B phần đất có diện tích 1.940,7m² tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình

Dương; yêu cầu bà Thái Thị C di dời căn nhà cấp 4 để trả lại đất cho bà B và giữ nguyên hiện trạng đối với 07 ngôi mộ thì ông Tồng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà B. Về nguồn gốc thửa đất bà B tranh chấp với bà C thì ông T không rõ, chỉ biết hiện tại bà Thái Thị C đang quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thanh H (người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Lê N) trình bày: bà Lê Thanh H là con của bà Phan Thị G và ông Lê N. Bà Lê Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị C trả lại cho bà Bé phần đất có diện tích 1.940,7m² tọa lạc tại xã T, huyện Bắc T, tỉnh Bình Dương; yêu cầu bà Thái Thị C di dời căn nhà cấp 4 để trả lại đất cho bà B và giữ nguyên hiện trạng đối với 07 ngôi mộ thì bà H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà B. Về nguồn gốc thửa đất bà B tranh chấp với bà C do ông bà để lại, bà H không biết lý do vì sao bà Thái Thị C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng H (người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Lê N) trình bày: ông Lê Hồng H là con của bà Phan Thị G và ông Lê N. Bà Lê Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị C trả lại cho bà Bé phần đất có diện tích 1.940,7m² tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; yêu cầu bà Thái Thị C di dời căn nhà cấp 4 để trả lại đất cho bà B và giữ nguyên hiện trạng đối với 07 ngôi mộ thì ông H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà B. Về nguồn gốc thửa đất bà B tranh chấp với bà C do ông bà để lại, ông H không biết lý do vì sao bà Thái Thị C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị G (người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Lê N) trình bày: bà Phan Thị G là vợ của ông Lê N. Bà Lê Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị C trả lại cho bà B phần đất có diện tích 1.940,7 m² tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; yêu cầu bà Thái Thị C di dời căn nhà cấp 4 để trả lại đất cho bà B và giữ nguyên hiện trạng đối với 07 ngôi mộ thì bà G thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà B. Về nguồn gốc thửa đất bà B tranh chấp với bà C do ông bà để lại, bà G không biết lý do vì sao bà Thái Thị C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và người đại diện hợp pháp của bị đơn không yêu cầu hòa giải, đối chất. Các đương sự thống nhất với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29 tháng 8 năm 2020, Mạnh trích đo địa chính số 191-2018 và biên bản định giá tài sản ngày 03 tháng 5 năm 2019.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B đối với bà Thái Thị C về việc tranh chấp kiện đòi tài sản là thửa đất số 508, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, yêu cầu bà Thái Thị C di dời căn nhà cấp 4 để trả lại đất cho bà B và giữ nguyên hiện trạng 07 ngôi mộ.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25 tháng 6 năm 2020 và ngày 15 tháng 7 năm 2020 nguyên đơn bà Lê Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn bà Lê Thị B kháng cáo bản án trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung: bà Lê Thị B yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị C trả lại cho bà B phần đất có diện tích 1.940,7m² thuộc thửa đất số 508, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương và yêu cầu bà Thái Thị C di dời căn nhà cấp 4 để trả lại đất cho bà B và giữ nguyên hiện trạng 07 ngôi mộ. Xét thấy, quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 508, tờ bản đồ số 57 được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Minh N ngày 30 tháng 12 năm 2000. Năm 2006, ông Lê Minh N chết thì những người thừa kế theo pháp luật của ông Lê Minh N gồm: bà Thái Thị C, bà Lê Thị Ngọc L, bà Lê Thị Ngọc L, bà Lê Thị Ngọc L và ông Lê Minh L đã làm văn bản phân chia tài sản thừa kế đồng ý để lại cho bà Thái Thị C được quyền quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 508, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Trên cơ sở văn bản phân chia tài sản thừa kế, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T đã chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00081 QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Lê Minh N ngày 30 tháng 10 năm 2000 sang cho bà Thái Thị C. Nguyên đơn bà B khởi kiện nhưng không cung cấp chứng cứ để chứng minh quyền sử dụng đất trên là của nguyên đơn và không có quá trình đăng ký kê khai đối với phần đất này. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận nên kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ

Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nguyên đơn bà Lê Thị B khởi kiện bà Thái Thị C về việc đòi tài sản là thửa đất số 508, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, yêu cầu bà Thái Thị C di dời căn nhà cấp 4 để trả lại đất cho bà B và giữ nguyên hiện trạng 07 ngôi mộ trên đất.

Bà B cho rằng, thửa đất số 508, tờ bản đồ số 57, xã T, huyện B có nguồn gốc của cụ Nguyễn Thị B (cụ B là mẹ bà B) mua lại. Năm 1989, cụ B chết, bà B quản lý thửa đất số 508 nhưng cho anh trai là ông Lê Văn C sử dụng. Năm 1989, ông C chết thì bà B tiếp tục cho con trai ông C là ông Lê Minh N và vợ ông N là Thái Thị C quản lý sử dụng. Năm 2000, ông N và bà C giả mạo giấy tờ kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 508, diện tích 1.940,7m². Năm 2006, ông N chết. Năm 2017, bà C định bán phần đất này nên phát sinh tranh chấp.

Bà C cho rằng, thửa đất số 508, tờ bản đồ số 57, xã T, huyện B có nguồn gốc do Nhà nước công nhận cho hộ ông Lê Minh N là chồng bà C. Năm 2000, hộ ông N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ thể hiện năm 1999, ông Lê Minh N (chồng bà C) kê khai đăng ký thửa đất số 508, tờ bản đồ số 57, ấp 1, xã T, diện tích 1.955m²; tại “đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất” ông N khai nguồn gốc đất là “đất cha mẹ để lại từ 1975”. Ngày 10 tháng 02 năm 2000, Hội đồng đăng ký đất xã T công khai hồ sơ kê khai đất của 06 ấp thuộc xã T (trong đó có thửa đất số 508) trong thời hạn 15 ngày, đến ngày 05 tháng 3 năm 2000, việc công khai hồ sơ kê khai đất kết thúc, Hội đồng đăng ký đất xã T đã trình Ủy ban nhân dân xã lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân trong đó có thửa đất số 508 của ông N. Ngày 30 tháng 10 năm 2000, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 944/QĐ-UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân trong đó có hộ ông Ngôn. Ngày 30 tháng 10 năm 2000, hộ ông Ngôn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 508, tờ bản đồ số 57, diện tích 1.955m² tọa lạc tại xã T. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dạng đại trà, không đo đạc thực tế, không ký liên ranh. Quá trình kê khai, đăng ký, công khai hồ sơ cấp giấy chứng nhận, không có ai khiếu nại, tranh chấp.

Tại Văn bản số: 184/UBND-KT ngày 23 tháng 02 năm 2019, Ủy ban nhân dân xã T cung cấp thông tin cho Tòa án cấp sơ thẩm về nguồn gốc thửa đất số 508 như sau: sau ngày giải phóng năm 1975, ông Lê Văn C (chết năm 1989) và bà Lê Thị B (chết năm 1985) quản lý sử dụng thửa đất 508, tờ bản đồ 57; ông C và bà B quản lý, sử dụng cho đến khi qua đời thì khu đất trên được ông Lê Minh N là con tiếp tục quản lý, sử dụng đến năm 2006 thì ông N qua đời, sau đó bà Thái Thị C là vợ ông N cùng các con ông N tiếp tục quản lý, sử dụng khu đất trên cho đến nay. Theo mảnh trích lục địa chính số 191-2018 ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B thể hiện phần diện tích đất tranh chấp

giữa bà Lê Thị B với bà Thái Thị C có diện tích 1.940,7m², còn diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00081 là 1.955m², chênh lệch 14,3m². Phần diện tích đất chênh lệch 14,3m² là do thời điểm cấp giấy chứng nhận không qua đo đạc thực tế, chỉ căn cứ trên bản đồ địa chính được lập bằng phương pháp không ảnh, từ đó dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng có sai lệch so với hiện trạng sử dụng thực tế. Việc sai lệch trên là do sai lệch trong quá trình thành lập bản đồ địa chính, không thuộc trường hợp biến động chuyển nhượng, tặng cho với các chủ sử dụng đất liền kề (bút lục 345).

Tại Văn bản số 446/UBND-NC ngày 02 tháng 3 năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện B cung cấp thông tin cho Tòa án cấp sơ thẩm có nội dung: quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00081 QSDĐ/TU ngày 30 tháng 10 năm 2000 cho hộ ông Lê Minh N thì Hội đồng đăng ký đất đai xã T đã tiến hành công khai danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất 15 ngày (từ ngày 11 tháng 02 năm 2000 đến ngày 26 tháng 02 năm 2000 đúng theo quy định). Căn cứ vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Minh N được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương xác nhận ngày 06 tháng 01 năm 2000, Ủy ban nhân dân huyện T (nay là huyện B) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Minh N đối với thửa đất số 508, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00081 QSDĐ/TU cấp cho hộ ông Lê Minh N ngày 30 tháng 10 năm 2000 được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16 tháng 3 năm 1998 của Tổng cục Địa chính (bút lục 371).

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân huyện B lập ngày 03 tháng 5 năm 2019 (bút lục 132) thể hiện ngoài thửa đất số 508, còn có các tài sản công trình do vợ chồng bà C xây dựng gồm: 01 nhà cấp 4 xây dựng năm 2004 gắn liền mái che tôn, tường rào kẽm gai, tường xây và trụ cổng, giếng khoan và bồn nước, bàn thiêng, chuồng gà, 07 ngôi mộ, 01 hàng gạch ông L xây dựng năm 2017.

Bà B cho rằng, nguồn gốc thửa đất số 508 của cha mẹ bà B là cụ Lê Văn N (chết năm 1941) và cụ Nguyễn Thị B (chết năm 1989) để lại cho bà B quản lý, sử dụng. Bà B cho vợ chồng bà C sinh sống tên thửa đất này. Tuy nhiên, không có tài liệu chứng cứ chứng minh thửa đất số 508 nêu trên do cụ N, cụ B quản lý, sử dụng, kê khai, đăng ký và để lại cho bà B hay các thừa kế của cụ N, cụ B; không có tài liệu chứng cứ chứng minh cụ N, cụ B (cha mẹ của bà B) hoặc bà B cho gia đình ông C (cha chồng bà C) canh tác, sinh sống trên phần đất này. Bà C không thừa nhận lời trình bày của bà B.

Các cơ quan quản lý Nhà nước (Ủy ban nhân dân xã T, Ủy ban nhân dân huyện B) xác nhận nguồn gốc đất do vợ chồng ông Lê Văn C (chết 1989) và bà Lê Thị B (chết 1985) là cha mẹ của ông N để lại cho con là ông N (chồng bà C) quản lý sử dụng từ 1989 cho đến nay, việc ông N kê khai đăng ký và được cấp quyền sử

dụng đất là đúng quy định (bút lục 345, 328), phù hợp với việc kê khai đất của ông N vào năm 1999. Trên thửa đất số 508 không có tài sản gì của cụ N, cụ B (cha mẹ bà B) nên không có căn cứ xác định thửa đất số 508 là tài sản của cha mẹ bà B để lại cho bà B (biên bản xác minh ngày 08 tháng 4 năm 2021).

Với tài liệu, chứng cứ nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định. Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không có chứng cứ khác làm thay đổi nội dung vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: bà Lê Thị B là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 48, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân B, tỉnh Bình Dương.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Lê Thị B được miễn tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND huyện B;
- Các đương sự (17);
- Tổ Hành chính, Tư pháp;
- Lưu: hồ sơ, Tòa Dân sự, LTH, 24.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài

